

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chung chỉ số Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	624001	NGUYỄN NGỌC PHÚ	Nam	12/07/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				7,00	7,00
2	624002	HUỲNH NGỌC THIÊN	Nữ	10/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,30	4,30
3	624003	TRẦN BẢO	Nam	15/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,60	5,60
4	624004	NGUYỄN TUẤN	Nam	04/02/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,90	3,90
5	624005	NGUYỄN QUỲNH	Nữ	15/03/2014	An Giang	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
6	624006	NGUYỄN HÒA GIA	Nam	04/12/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				0,10	0,10
7	624007	LÊ CÔNG KHÁNH	Nam	12/06/2014	Thanh Hóa	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				7,10	7,10
8	624008	NGUYỄN VĂN GIA	Nam	26/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,00	3,00
9	624009	NGUYỄN MAI	Nữ	28/08/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,80	5,80
10	624010	NGUYỄN ĐÀO LAN	Nữ	25/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,00	3,00
11	624011	TRẦN ĐO QUỲNH	Nữ	04/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,40	3,40
12	624012	LÊ QUỐC	Nam	20/08/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				6,40	6,40
13	624013	BÙI THẾ	Nam	21/12/2014	Cà Mau	TH Hòa Lợi	Bến Cát				2,40	2,40
14	624014	NGUYỄN TRỌNG	Nam	12/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,40	5,40
15	624015	LÂM TUẤN	Nam	19/12/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				1,20	1,20
16	624016	NGÔ PHẠM ANH	Nam	17/09/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				6,20	6,20
17	624017	LÊ MINH	Nam	10/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,70	5,70
18	624018	LÊ ANH	Nam	02/07/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				1,00	1,00
19	624019	TÀO TUẤN	Nam	10/03/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				1,00	1,00
20	624020	NGUYỄN PHẠM DIỆP	Nữ	08/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Thái Bình	Bến Cát				5,90	5,90
21	624021	NGUYỄN NHẬT	Nữ	30/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,50	4,50
22	624022	HOÀNG THỊ HÀ	Nữ	05/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,60	4,60
23	624023	NGUYỄN NGỌC KHIẾT	Nữ	11/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,20	4,20
24	624024	ĐINH HUỲNH BẢO	Nữ	13/06/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				2,80	2,80

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ

NGUYỄN VIỆT XUAN

Nguyễn Thị Nhật Hằng

BẢNG GHI ĐIỂM

Phòng thi : 02

Từ SBD: 624025 Đến SBD: 624048

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	624025	PHẠM BẢO	Nữ	05/06/2014	Thanh Hóa	TH Nguyễn Thái Bình	Bến Cát				5,10	5,10
2	624026	NGUYỄN HOÀNG	Nam	04/09/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,70	3,70
3	624027	TRẦN THIỆN	Nam	18/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH An Sơn	Bến Cát				6,20	6,20
4	624028	TRƯƠNG AN	Nữ	03/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Thái Bình	Bến Cát				3,40	3,40
5	624029	PHẠM HỮU	Nam	23/02/2014	Lâm Đồng	TH Mỹ Phước	Bến Cát				6,50	6,50
6	624030	LÊ HỒNG MINH	Nam	22/08/2014	Đồng Tháp	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,60	3,60
7	624031	LÊ TRẦN MINH	Nam	04/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				6,50	6,50
8	624032	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	20/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				6,10	6,10
9	624033	NGUYỄN TÁN	Nam	28/02/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
10	624034	LÊ SỸ THẾ	Nam	01/07/2014	Đắk Lắk	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,90	4,90
11	624035	TRẦN QUANG	Nam	15/05/2014	Bình Dương	TH Bình Hòa	Thuận An				4,70	4,70
12	624036	ĐẶNG LÊ NGUYỄN	Nữ	17/02/2014	Thừa Thiên Huế	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,90	3,90
13	624037	TRẦN NGỌC KIM	Nữ	04/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,70	5,70
14	624038	NGUYỄN MINH	Nữ	11/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				1,00	1,00
15	624039	TRẦN THỊ ANH	Nữ	20/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				6,90	6,90
16	624040	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	01/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				3,00	3,00
17	624041	NGUYỄN THỊ ANH	Nữ	02/09/2013	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,80	5,80
18	624042	HUỲNH KHÁNH	Nữ	21/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,50	4,50
19	624043	LƯU THỊ BẢO	Nữ	02/06/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,30	5,30
20	624044	NGÔ QUỲNH	Nữ	23/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				5,50	5,50
21	624045	NGUYỄN BẢO	Nữ	10/02/2014	Thừa Thiên Huế	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				8,00	8,00
22	624046	LÊ HUỲNH	Nữ	04/12/2014	Bình Dương	TH Trần Văn Ôn	Bến Cát				4,50	4,50
23	624047	PHAN MINH	Nam	18/11/2014	Bình Dương	TH Trần Quốc Tuấn	Bến Cát				4,50	4,50
24	624048	NGÔ QUANG	Nam	14/04/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,70	4,70

Danh sách này có 24 thí sinh./.



Phòng thi : 03

Từ SBD: 624049 Đến SBD: 624053

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ sáng anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	624049	TRẦN THANH	Nam	01/04/2014	Bình Dương	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,70	4,70
2	624050	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	20/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				2,00	2,00
3	624051	NGUYỄN QUY	Nam	12/10/2013	An Giang	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				1,40	1,40
4	624052	NGUYỄN THẢO	Nữ	12/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Phú Hòa	Bến Cát				4,40	4,40
5	624053	NGUYỄN TRƯƠNG THỂ	Nam	10/01/2014	Quảng Nam	TH Nguyễn Thái Bình	Bến Cát				7,10	7,10

Danh sách này có 5 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VIỆT XUAN
NGUYỄN Thị Nhật Hằng